**SỞ GD VÀ ĐT HÀ NỘI**

**TRƯỜNG THPT VIỆT ĐỨC**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN GDCD LỚP 12**

**NĂM HỌC 2020 - 2021**

**I PHẦN LÝ THUYẾT**

**BÀI 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG**

**1. Khái niệm pháp luật**

**a. Pháp luật là gì?**

- Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

**b. Đặc trưng của pháp luật**

***- Tính quy phạm phổ biến:***

+ Tính quy phạm: Khuôn mẫu; tính phổ biến: áp dụng nhiều lần đối với nhiều người, nhiều nơi.

+ Tính quy phạm phổ biến: làm nên giá trị công bằng bình đẳng trước pháp luật.

+ Bất kì ai ở trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định cũng phải thực hiện theo khuôn mẫu pháp luật quy định.

***- Tính quyền lực, bắt buộc chung:***

+ Tính quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

+ Tất cả mọi người đều phải thực hiện các quy phạm pháp luật.

***- Tính xác định chặt chẽ về hình thức***

+ Hình thức thể hiện của pháp luật là các văn bản có chứa các quy phạm pháp luật được xác định chặt chẽ về hình thức: văn phong diễn đạt phải chính xác. Cơ quan ban hành văn bản và hiệu lực của văn bản được quy định chặt chẽ trong Hiến pháp hoặc luật.

**2. Bản chất của pháp luật**

**a. Bản chất giai cấp của pháp luật**

- Pháp luật do nhà nước ban hành phù hợp với ý chí nguyện vọng của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.

**b. Bản chất xã hội của pháp luật**

- Các quy phạm pháp luật bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội, do thực tiễn cuộc sống đòi hỏi.

- Pháp luật không chỉ phản ánh ý chí của giai cấp thống trị mà còn phản ánh nhu cầu, lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp dân cư khác nhau trong xã hội.

- Các quy phạm pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội, vì sự phát triển của xã hội.

**3. Mối quan hệ giứa pháp luật với kinh tế, chính trị, đạo đức**

**c. Quan hệ giữa pháp luật với đạo đức**

- Nhà nước luôn cố gắng chuyển những quy phạm đạo đức có tính phổ biến phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội thành các quy phạm pháp luật.

- Khi ấy, các giá trị đạo đức không chỉ được tuân thủ bằng niềm tin, lương tâm của cá nhân hay do sức ép của dư luận xã hội mà còn được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh quyền lực nhà nước.

**4. Vai trò của pháp luật trong đời sồng xã hội**

**a. Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội**

- Tất cả các nhà nước đều quản lí xã hội chủ yếu bằng pháp luật bên cạnh những phương tiện khác như chính sách, kế hoạch, giáo dục tư tưởng, đạo đức,... Nhờ có pháp luật, nhà nước phát huy được quyền lực của mình và kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổcủa mình.

- Quản lí bằng pháp luật là phương pháp quản lí dân chủvà hiệu quả nhất , vì:

+ Pháp luật là khuôn mẫu có tính phổ biến và bắt buộc chung, phù hợp với lợi ích chung của các giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau , tạo được sự đồng thuận trong xã hội đối với việc thực hiện pháp luật.

+ Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội một cách thống nhất trong toàn quốc và được bảo đảm bằng sức mạnh của quyền lực nhà nước nên hiệu lực thi hành cao.

+ Quản lí xã hội bằng pháp luật nghĩa là nhà nước ban hành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật trên quy mô toàn xã hội.

**b. Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình**

- Hiến pháp quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân ; các luật về dân sự, hôn nhân và gia đình, thương mại, thuế, đất đai, giáo dục... cụ thể hóa nội dung, cách thức thực hiện các quyền của công dân trong từng lĩnh vực cụthể. Trên cơ sở ấy, công dân thực hiện quyền của mình.

- Các luật về hành chính, hình sự, tố tụng... quy định thẩm quyền, nội dung, hình thức, thủ tục giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lí các vi phạm pháp luật. Nhờ thế, công dân sẽ bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

**BÀI 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

### 1. Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật

**a. Khái niệm thực hiện pháp luật**

- Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ xã hội do pháp luật điều chỉnh.

**b. Các hình thức thực hiện pháp luật**

- Sử dụng pháp luật: cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình làm những điều pháp luật cho phép.

- Thi hành pháp luật: cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.

- Tuân thủ pháp luật: cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm.

- Áp dụng pháp luật: cá nhân, tổ chức thực hiện pháp luật với sự tham gia, can thiệp của nhà nước.

### 2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí

**a. Vi phạm pháp luật**

- Thứ nhất là hành vi trái pháp luật: Hành vi đó có thể là hành động cũng có thể là không hành động. VD: Đi xe vào làn đường một chiều hoặc người sử dụng lao động để xảy ra tai nạn lao động.

- Thứ hai, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện: Đạt một độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật, có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình.

- Thứ ba, người vi phạm pháp luật phải có lỗi: Lỗi thể hiện thái độ của người biết hành vi của mình là sai, trái pháp luật, có thể gây hậu quả không tốt nhưng vẫn cố ý làm hoặc vô tình để mặc cho sự việc xảy ra.

**b. Trách nhiệm pháp lí**

- Là nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

- Nhà nước thực hiện trách nhiệm pháp lí nhằm:

+ Buộc các chủ thể vi phạm pháp luật chấm dứt tình trạng vi phạm pháp luật.

+ Buộc họ phải chịu những thiệt hại, hạn chế nhất định.

+ Buộc họ phải làm những công việc nhất định.

**c. Các loại vi phạm pháp luật**

- Vi phạm hình sự:

+ Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự.

+ Chịu trách nhiệm hình phát và các biện pháp tư pháp được quy định trong bộ luật hình sự.

- Vi phạm hành chính:

+ Là các hành vi xâm phạm các quy tắc quản lí Nhà nước.

+ Chịu các hình thức xử lí hành chính do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng.

- Vi phạm dân sự:

+ Là hành vi trái pháp luật xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ pháp luật dân sự khác.

+ Chịu các biện pháp nhằm khôi phục lại tình trạng ban đầu của các quyền dân sự bị vi phạm.

- Vi phạm kỉ luật:

+ Là hành vi trái với quy định quy tắc quy chế xác định trật tự kỉ cương trong nội bộ cơ quan trường học xí nghiệp.

+ Chịu các hình thức kỉ luật do thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp, trường học áp dụng đối với cán bộ - công nhân viên - học sinh - sinh viên của tổ chức mình

**BÀI 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT**

- Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là mọi công dân, nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

### 1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ

- Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

- Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ được hiểu như sau:

+ Một là: Mọi công dân đều được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của mình. Các quyền được hưởng như quyền bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu, quyền thừa kế, các quyền tự do cơ bảnvà các quyền dân sự, chính trị khác… Các nghĩa vụ phải thực hiện như nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ đóng thuế…

+ Hai là: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần và địa vị xã hội.

### 2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí

- Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lí theo quy định của pháp luật.

- Công dân dù ở địa vị nào, làm nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật (trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự, kỷ luật) - Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chấtvà mức độ như nhau đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau, không phân biệt đối xử.

### 3. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

- Quyền và nghĩa vụ của công dân được nhà nước quy định trong Hiến pháp và luật.

- Nhà nước và xã hội có trách nhiệm tạo ra các điều kiện cần thiết bảo đảm cho công dân có khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Nhà nước có trách nhiệm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật và đảm bảo công bằng, hợp lý trong quá trình truy cứu trách nhiệm pháp lý

**BÀI 4:QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

### 1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình

**a. Thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình**

- Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được hiểu là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng; giữa các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.

**b. Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình**

**\* Bình đẳng giữa vợ và chồng:**

- Trong quan hệ nhân thân:

+ Giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

+ Tôn trọng và giữ gìn danh dự nhân phẩm, uy tín của nhau.

+ Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau...

- Trong quan hệ tài sản: Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung, quyền thừa kế, sử dụng, định đoạt...

**\* Bình đẳng giữa cha mẹ và con:**

- Có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con.

- Cha mẹ không phân biệt đối xử, ngược đãi các con.

- Cha mẹ không phân biệt đối xử, ngược đãi các con.

- Không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên.

- Không xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật.

- Yêu quý, kính trọng, chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ.

- Yêu quý, kính trọng, chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ.

- Không được có hành vi xúc phạm ngược đãi cha mẹ.

**\* Bình đẳng giữa ông bà và cháu:**

- Ông bà: Có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu.

- Cháu: phải kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà (nội, ngoại).

**\* Bình đẳng giữa anh chị em:**

- Anh chị em có bổn phận thương yêu chăm sóc, đùm bọc giúp đỡ nhau.

**c. Trách nhiệm của nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình**

- Một là Nhà nước có chính sách, biện pháp tạo điều kiện để các công dân nam nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, tiến bộ và gia đình thực hiện đầy đủ chức năng của mình.

- Hai là, Nhà nước xử lí kịp thời, nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, với các hình thức và mức độ khác nhau.

### 2. Bình đẳng trong lao động

**a. Thế nào là bình đẳng trong lao động?**

- Bình đẳng trong lao động được hiểu là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua việc tìm kiếm việc làm, bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao dộng, bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.

**b. Nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động**

**\* Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động:**

- Quyền lao động của công dân có nghĩa là công dân được sử dụng sức lao động của mình làm bất cứ việc gì, cho bất cứ người sử dụng sức lao động nào và bất kì nơi nào mà pháp luật không cấm nhằm đem lại lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

**\* Công dân bình đẳng trong giao tiếp kết hợp với hợp đồng lao động:**

- Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động với người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

- Khi kí kết hợp đồng lao động đã thể hiện sự ràng buộc trách nhiệm giữa người lao động với tổ chức hoặc cá nhân thuê mướn, sử dụng lao động. Nội dung hợp đồng lao động là cơ sở pháp lí để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cả hai bên, đặc biệt là đối với người lao động.

- Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những điều cam kết.

- Lao động nam và lao động nữ được bình đẳng về quyền trong lao động đó là bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm; bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng; được đối xữ bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện khác.

**\* Bình đẳng giữa lao động nữ và lao động nam:**

- Pháp luật đã có những quy định cụ thể đối với lao động nữ như: được hưởng chế độ thai sản, người sử dụng lao động không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng với lao động nữ vì lí do kết hôn, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Không được sử dụng lao động nữ vào công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại.

### 3. Bình đẳng trong kinh doanh

**a. Thế nào là bình đẳng trong kinh doanh?**

- Bình đẳng trong kinh doanh có nghĩa là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế từ việc lựa chọn ngành, nghề, địa điểm kinh doanh, hình thức kinh doanh, đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh đều bình đẳng theo quy định của pháp luật.

**b. Nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh**

- Mọi công dân có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.

- Mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng ký kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

- Mọi doanh nghiệp đều được bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh Nhà nước trao giải cho các doanh nhân giỏi.

- Mọi doanh nghiệp đều có quyền chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng;chủ động lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn; tự do liên doanh với các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; tự chủ kinh doanh để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

- Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh như kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng kí; nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước; tuân thủ pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường…

### BÀI 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

### 1. Bình đẳng giữa các dân tộc

**a. Thế nào là bình đẳng giữa các dân tộc?**

- Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là các dân tộc trong một quốc gia không bị phân biệt theo đa số hay thiểu số, trình độ văn hóa cao hay thấp, không phân biệt chủng tộc màu da đều được nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.

**b. Nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc**

- Bình đẳng về chính trị:

+ Mọi dân tộc được tham gia vào quản lí nhà nước và xã hội

+ Mọi dân tộc được tham gia bầu-ứng cử

+ Mọi dân tộc đều có đại biểu trong hệ thống cơ quan nhà nước.

+ Tham gia góp ý những vấn đề xây dựng đất nước.

- Bình đẳng về kinh tế:

+ Mọi dân tộc đều được tham gia vào các thành phần kinh tế, chính sách phát triển của Đảng và nhà nước đối với các dân tộc.

+ Nhà nước luôn quan tâm đầu tư cho tất cả các vùng.

+ Nhà nước ban hành các chính sách phát triển KT-XH, đặc biệt ở các xã có ĐK KT khó khăn.

- Bình đẳng về văn hóa, giáo dục

+ Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, PTTQ, văn hoá tốt đẹp.

+ Văn hoá các dân tộc được bảo tồn và phát huy.

+ Các dân tộc được bình đẳng hưởng thụ một nền giáo dục, tạo điều kiện các dân tộc đều có cơ hội học tập.

### 2. Bình đẳng giữa các tôn giáo

**a. Khái niệm bình đẳng giữa các tôn giáo**

- Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở Việt Nam đều có hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của Pháp luật, đều bình đẳng trước pháp luật, những nơi thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo vệ.

**b. Nội dung cơ bản quyền bình đẳng giữa các tôn giáo**

- Các tôn giáo được nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động tín ngưỡng tôn giáo theo quy định của pháp luật được nhà nước bảo đảm các cơ sở tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ.

**II. PHẦN CÂU HỎI**

**Câu 1:** “Trong cùng một điều kiện như nhau, công dân được hưởng quyền và nghĩa vụ như nhau, nhưng mức độ sử dụng các quyền và nghĩa vụ đó đến đâu phụ thuộc rất nhiều vào…”

**A.** nhu cầu, khả năng và hoàn cảnh của mỗi người.

**B.** nhu cầu, sở thích và hoàn cảnh của mỗi người.

**C.** khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của mỗi người.

**D.** sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của mỗi người.

**Câu 2:** Hành vi xâm hại tới các quan hệ tài sản là vi phạm

**A.** dân sự. **B.** hành chính. **C.** hình sự. **D.** kỷ luật.

**Câu 3:** Pháp luật khác với đạo đức ở điểm nào sau đây?

**A.** Bắt buộc đối với tất cả mọi người. **B.** Có nguồn gốc từ các quan hệ xã hội.

**C.** Điều chỉnh hành vi của con người. **D.** Hướng tới bảo vệ công bằng và lẽ phải.

**Câu 4:** Phương tiện hữu hiệu nhất để nhà nước quản lý xã hội là

**A.** đạo đức. **B.** pháp luật. **C.** chủ trương. **D.** đường lối.

**Câu 5:** Vi phạm hình sự là hành vi

**A.** xâm phạm các quan hệ lao động. **B.** nguy hiểm cho xã hội.

**C.** trái phong tục tập quán. **D.** trái chuẩn mực đạo đức.

**Câu 6:** Nội dung nào sau đây không thuộc bình đằng trong hôn nhân và gia đình?

**A.** Bình đẳng giữa cha mẹ và con cái. **B.** Bình đẳng giữa ông bà và cháu.

**C.** Bình đẳng giữa vợ và chồng. **D.** Bình đẳng giữa cô, chú và cháu.

**Câu 7:** Bình đẳng trong kinh doanh có nghĩa là

**A.** mọi cá nhân, tổ chức đều bình đẳng trong các quan hệ kinh tế.

**B.** mọi doanh nghiệp đều bình đẳng trong hoạt động xuất khẩu.

**C.** bất cứ ai cũng có thể tham gia vào hoạt động kinh doanh.

**D.** bất cứ ai cũng có quyền mua bán, trao đổi hàng hóa dịch vụ.

**Câu 8:** Người từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm pháp lý?

**A.** 16. **B.** 12. **C.** 14. **D.** 18.

**Câu 9:** Để quản lý xã hội, nhà nước cần phải làm gì?

**A.** Xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật. **B.** Sử dụng lực lượng quốc phòng.

**C.** Xây dựng và ban hành các thiết chế xã hội. **D.** Sử dụng lực lượng an ninh.

**Câu 10:** Quyền bình đẳng giữa vợ và chồng được hiểu là

**A.** vợ chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong gia đình.

**B.** vợ chồng tôn trọng và giữ gìn uy tín, danh dự cho nhau.

**C.** chồng là người quyết định những việc lớn trong gia đình.

**D.** tài sản chung của vợ, chồng chủ yếu do người vợ quản lí.

**Câu 11:** Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự chung do cơ quan nào dưới đây ban hành?

**A.** Đảng cộng sản. **B.** Mặt trận Tổ quốc.

**C.** Trung ương đoàn. **D.** Nhà nước.

**Câu 12:** Đối với lao động nữ, người sử dụng lao động có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp nào dưới đây?

**A.** Xin nghỉ việc để kết hôn. **B.** Nghỉ việc chăm chồng ốm.

**C.** Nuôi con dưới 12 tháng tuổi. **D.** Nghỉ việc không có lí do.

**Câu 13:** Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức có nghĩa là nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật đều không trái với

**A.** phong tục tập quán. **B.** Hiến pháp.

**C.** nội quy. **D.** đạo đức.

**Câu 14:** Quyền bình đẳng của công dân được tôn trọng và bảo vệ, được ghi nhận trong

**A.** Hiến pháp và văn bản luật. **B.** Hiến pháp và luật.

**C.** Luật và văn bản luật. **D.** Luật và Nghị quyết.

**Câu 15:** Người từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra?

**A.** 12. **B.** 14. **C.** 16. **D.** 18.

**Câu 16:** Trong gia đình có các mối quan hệ cơ bản nào?

**A.** Quan hệ giữa cha mẹ và con cái, cháu. **B.** Quan hệ gia đình và quan hệ xã hội.

**C.** Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản. **D.** Quan hệ hôn nhân và quan hệ quyết thống.

**Câu 17:** Việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật được thể hiện thông qua

**A.** các công văn của các Bộ. **B.** nội qui của các cơ quan Nhà nước.

**C.** Hiến pháp và các luật qui định. **D.** các thông tư, chỉ thị của Chính phủ.

**Câu 18:** Trong các quy định sau, quy định nào là quy phạm pháp luật?

**A.** Tự giác thực hiện nội quy trường, lớp. **B.** Nghiêm túc chấp hành điều lệ Hội phụ nữ.

**C.** Công dân phải trung thành với Tổ quốc. **D.** Học sinh phải mặc đồng phục khi đến lớp.

**Câu 19:** Tự nguyện đóng thuế nhà đất hàng năm, nghĩa là công dân đã thực hiện hình thức pháp luật nào dưới đây?

**A.** Thi hành pháp luật. **B.** Tuân thủ pháp luật.

**C.** Áp dụng pháp luật. **D.** Sử dụng pháp luật.

**Câu 20:** Nhà nước có chính sách ưu đãi, xét giảm thuế đối với những doanh nghiệp nào?

**A.** Sử dụng nhiều lao động nữ. **B.** Sử dụng nhiều lao động nam.

**C.** Có ý thức bảo vệ môi trường. **D.** Có nhiều lao động làm việc.

**Câu 21:** Theo quy định của Bộ luật lao động, người lao động ít nhất phải đủ

**A.** 14 tuổi. **B.** 15 tuổi. **C.** 16 tuổi. **D.** 17 tuổi.

**Câu 22:** Nhà A trong diện giải tỏa mặt bằng nhưng bố mẹ A cương quyết không đi vì cho rằng: "Đất của nhà mình không ai có quyền bắt mình chuyển đi nơi khác được". A phải dựa vào đặc trưng nào dưới đây của pháp luật để thuyết phục bố mẹ mình chuyển đi chỗ mới?

**A.** Tính đảm bảo khi thi hành. **B.** Tính quyền lực, bắt buộc chung.

**C.** Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức. **D.** Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 23:** Cửa hàng sản xuất bánh kẹo của anh K bị cơ quan chức năng có thẩm quyền thu hồi giấy phép kinh doanh vì sử dụng nguyên liệu không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Việc làm của cơ quan nhà nước đã thể hiện đặc nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính bắt buộc chung. **B.** Tính quy phạm phổ biến.

**C.** Tính quyền lực, bắt buộc chung. **D.** Tính phổ biến rộng rãi.

**Câu 24:** Chị Nc xin phép UBND Quận X để mở công ty TNHH A nhưng UBND Quận X không giải quyết vì cho rằng đây là lĩnh vực kinh doanh chỉ phù hợp với nam giới. Việc làm của UBND Quận X đã vi phạm vào quyền nào của công dân?

**A.** Bình đẳng trong kinh doanh. **B.** Bình đẳng giữa nam và nữ.

**C.** Bình đẳng trong lao động. **D.** Bình đẳng giới trong xã hội.

**Câu 25:** Anh N đã bán xe ô tô (tài sản chung của hai vợ chồng) mà không bàn bạc với

vợ. Hành vi của anh N đã vi phạm vào nội dung nào dưới đây của bình đẳng trong

hôn nhân và gia đình?

**A.** Bình đẳng giới trong xã hội. **B.** Bình đẳng trong hôn nhân.

**C.** Bình đẳng trong lao động. **D.** Bình đẳng giữa vợ và chồng.

**Câu 26.**  N được tạm hoãn gọi nhập ngũ vì đang học đại học, còn M thì nhập ngũ phục vụ quân đội, cả hai vẫn bình đẳng về

**A**. thực hiện trách nhiệm pháp lý. **B**. trách nhiệm với Tổ quốc.

**C**. trách nhiệm với xã hội. **D**. quyền và nghĩa vụ của công dân.

.**Câu 27.** Sau khi trúng xổ số 1 tỉ đồng, anh S đã lập tức hoàn thiện hồ sơ cho con gái học lớp 9 đi du học mặc dù vợ, con anh đều phản đối. Trong trường hợp này, anh S đã vi phạm quyền bình đẳng hôn nhân và gia đình trong quan hệ nào dưới đây?

**A**. Tài sản. **B**. Nhân thân. **C**. Nhân sự. **D**. Tài chính.

**Câu 28.** Mặc dù không được cấp giấy phép nhưng anh A vẫn tự ý buôn bán rượu ngoại và để tránh bị phát hiện anh đã thuê trẻ vị thành niên đi đưa hàng. Anh A đã vi phạm quyền bình đẳng trong những lĩnh vực nào dưới đây?

**A**. Kinh doanh và lao động. **B**. Dân sự và hành chính.

**C**. Lao động và dân sự. **D**. Hành chính và hình sự.

**Câu 29.** Trước khi kết hôn chị C có một chiếc xe oto. Chồng chị C đã tự ý bán xe. Việc làm của chồng chị C Việc làm của chồng chị C đã xâm phạm đến quan hệ nào trong bình đẳng giữa vợ và chồng?

**A**. Sở hữu tài sản chung. **B**. Nhân thân.

**C**. Thừa kế. **D**. Sở hữu tài sản riêng

**Câu 30.** Khi thấy trong hợp đồng lao động có điều khoản về điều kiện lao động không rõ ràng, Chị T đã đề nghị sửa lại rồi sau đó mới kí. Điều này thể hiện công dân bình đẳng trong lĩnh vực nào dưới đây?

**A**. Trong lựa chọn việc làm. **B**. Trong việc thực hiện nội quy lao động

**C**. Trong giao kết hợp đồng lao động. **D**. Trong việc thực hiện quyền lao động

**Câu 31.** Một công ty nhà nước và một công ty tư nhân đều được vay vốn của ngân hàng Agribank để mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong trường hợp này, Ngân hàng Agribank đã thực hiện quyền bình đẳng nào dưới đây đối với hai công ty?

**A**. Bình đẳng trong kinh doanh.                     **B**. Bình đẳng trong tài chính.

**C**. Bình đẳng trong hỗ trợ vay vốn.                 **D**. Bình đẳng trong chính sách kinh tế.

**Câu 32.** Chị H đang công tác tại công ty G, chị đang chuẩn bị sinh em bé đầu lòng, theo Luật lao động hiện hành chị sẽ được nghỉ chế độ thai sản trong

**A**. 4 tháng.                 **B**. 6 tháng.                 **C**. 8 tháng.                     **D**. 1 năm

**Câu 33.** Cửa hàng của anh A được cấp phép bán đường sữa, bánh kẹo. Nhận thấy nhu cầu về thức ăn nhanh trên thị trường tăng cao nên anh A đăng kí bán thêm mặt hàng này. Anh A đã thực hiện nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

**A**. Tự do tuyển dụng chuyên gia. **B**. Thay đổi loại hình doanh nghiệp.

**C**. Tích cực nhập khẩu nguyên liệu. **D**. Chủ động mở rộng quy mô.

**Câu 34.** Sau khi tiếp cận được một số bí quyết kinh doanh từ công ty Z, chị L đã tìm cách hợp pháp hóa hồ sơ rồi tự mở cơ sở riêng dưới danh nghĩa của công ty này. Chị L đã vi phạm nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

**A**. Chủ động liên doanh, liên kết. **B**. Độc lập tham gia đàm phán.

**C**. Tự chủ đăng kí kinh doanh. **D**. Phổ biến quy trình kĩ thuật.

**Câu 35.** Chị A được công ty khai thác than Z nhận vào nhân viên hành chính. Sau đó, giám đốc điều động chị vào làm trong hầm lò và kí thêm phụ lục hợp đồng thỏa thuận trả lương ở mức cao nên chị đã đồng ý Nhưng 6 tháng sau chị không nhận được tiền lương tăng thêm . Giám đốc đã vi phạm nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong lao động?

**A**. Giao kết hợp đồng lao động. **B**. Áp dụng chế độ ưu tiên.

**C**. Tạo cơ hội tham gia quản lí. **C**. Thay đổi cơ cấu tuyển dụng.